



xíng xíng

行刑

verb · to execute a sentence, to carry out execution

Example Sentences

Xíng xíng de shí jiān dìng zài zǎo shàng

行刑的时间定在早上。

The time of execution is set for the morning.

Tā qīn yǎn mù dǔ le xíng xíng de guò chéng

他亲眼目睹了行刑的过程。

He witnessed the execution process with his own eyes.

Trace each character, then write the word on your own.

行	行	行	行	行	行	行	行	行		
刑	刑	刑	刑	刑	刑	刑	刑	刑		